

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 16 – 6 – 2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hà Hùng Kiệt.

2/ Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn V;** Sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 081 ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (ông V vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn: Bà Lâm Thị M H;** Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Hoàng Văn V trình bày:

Ông với bà Lâm Thị M H tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002 nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống cho đến tháng 02 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

hai người không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay. Ông V nhận thấy tình cảm giữa hai người không còn nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lâm Thị M H.

Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 người con chung tên Hoàng Thị M T, sinh ngày 26/9/2004 và Hoàng Thị M U, sinh ngày 27/01/2006. Hiện hai cháu đang sống với bà H. Trong đơn khởi kiện, ông V trình bày là đồng ý để hai con sống chung với bà H và ông không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lâm Thị M H không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 254/TB-TLVA ngày 04 tháng 11 năm 2020, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Lâm Thị M H nhưng bà Lâm Thị M H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn V. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà Lâm Thị M H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Lâm Thị M H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn V với bà Lâm Thị M H. Về con chung: Giao hai con chung cho bà Lâm Thị M H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, ông Hoàng Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Hoàng Văn V và bà Lâm Thị M H đều vắng mặt nhưng nguyên đơn ông V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn bà H mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông V và bà H.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Hoàng Văn V giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Thị M H. ông V đồng ý để hai con tiếp tục sống chung với bà H và ông cấp dưỡng nuôi hai con chung cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H thấy rằng, ông bà chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời điểm ông V và bà H sống chung thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đang có hiệu lực. Căn cứ Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”. Tại điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 trở đi..., nam và nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Ngoài ra, tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Như vậy đối chiếu với các quy định của pháp luật thì mối quan hệ giữa ông V với bà H không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông V được chấp nhận.

[4] Về con chung: Cháu Hoàng Thị M T, sinh ngày 26/9/2004 và Hoàng Thị M U, sinh ngày 27/01/2006 đang sống cùng bà H. Theo văn bản đề ngày 29/11/2020, cháu Mai Thảo và Mai Uyên đều có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha và mẹ cháu ly hôn. Xét thấy, từ khi ông V và bà H không còn sống chung thì cháu M T và M U sống chung với bà H, do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu M T và M U cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông V.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn và chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các điều 53, 56, 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn V với bà Lâm Thị M H.

- Về con chung: Giao cho bà Lâm Thị M H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung tên Hoàng Thị M T, sinh ngày 26/9/2004 và Hoàng Thị M U, sinh ngày 27/01/2006 cho đến tuổi thành niên. Ông Hoàng Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Hoàng Văn V lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lâm Thị M H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Hoàng Văn V. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hoàng Văn V tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thị M T và Hoàng Thị M U mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/cháu, cấp dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 16 tháng 6 năm 2021. Bà Lâm Thị M H là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hoàng Văn V trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hoàng Văn V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000

đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Ông Hoàng Văn V được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017 0005747 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy, ông Hoàng Văn V phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân